|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN KHÓA X****KỲ HỌP THỨ 22** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**GỢI Ý THẢO LUẬN TỔ**

 Trên cơ sở các báo cáo, tờ trình tại kỳ họp và ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, Chủ tọa kỳ họp gợi ý một số nội dung thảo luận như sau:

**I. CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ**

**1. Nghị quyết** **quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, năm học 2024-2025**

**\* Tại Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 10/9/2024**, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh:

- Số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, năm học 2024-2025 là 143 chỉ tiêu, trong đó:

+ Bậc mầm non: 47 chỉ tiêu;

+ Bậc tiểu học: 20 chỉ tiêu;

+ Bậc THCS: 67 chỉ tiêu;

+ Bậc THPT: 09 chỉ tiêu.

- Về kinh phí thực hiện: UBND tỉnh dự kiến kinh phí thực hiện hợp đồng lao động đối với 143 chỉ tiêu là 12 tỷ đồng.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 155/BC-HĐND ngày 20/9/2024**, Ban Pháp chế HĐND tỉnh nhất trí và đề nghị UBND tỉnh làm rõ một số nội dung.

**\* UBND tỉnh tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 636/BC-UBND ngày 23/9/2024 như sau:**

- Về số liệu biên chế tại Phụ lục số I kèm theo thuyết minh: Hiện nay, các đơn vị, địa phương đã thực hiện việc điều chỉnh, phân bổ biên chế viên chức đã khắc phục được phần lớn việc thừa CBQL, giáo viên *(nội dung cụ thể tại báo cáo giải trình của UBND tỉnh)*.

- Về cơ sở tính toán kinh phí ký hợp đồng lao động theo từng trình độ đào tạo: UBND tỉnh đã cân đối lại dự toán kinh phí của một hợp đồng lao động theo mức lương cơ sở mới (2,34 triệu đồng) để sát với thực tiễn. Cụ thể: Đối với 01 hợp đồng lao động ở vị trí việc làm giáo viên khoảng 98.000.000 đồng/người/năm học; đối với 01 hợp đồng lao động ở vị trí việc làm nhân viên khoảng 66.200.000 đồng/người/năm học *(nội dung cụ thể tại báo cáo giải trình của UBND tỉnh)*.

- Về dự kiến bố trí giáo viên và nhân viên của từng cấp học trong tổng số 143 hợp đồng lao động như sau: Dự kiến giao 54 chỉ tiêu giáo viên và 89 chỉ tiêu nhân viên *(nội dung cụ thể tại báo cáo giải trình của UBND tỉnh)*.

*Đại biểu đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục hiện nay.*

*Đại biểu có nhất trí giao 143 chỉ tiêu hợp đồng lao động như đề xuất của UBND tỉnh không? Có nhất trí với báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Theo đại biểu, việc giao chỉ tiêu hợp đồng đối với từng bậc học mầm non, tiểu học, THCS, THPT như đề xuất của UBND tỉnh có phù hợp với thực tế không? Ý kiến khác của đại biểu.*

*Theo đại biểu với dự toán kinh phí ký hợp đồng lao động theo từng trình độ đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp) và dự kiến giao số lượng hợp đồng giáo viên, nhân viên như báo cáo cáo giải trình của UBND tỉnh đã sát với thực tế chưa? Cần bổ sung nội dung nào khác?*

**2. Nghị quyết phân bổ, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024, dự toán chi thường xuyên chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024 của các chương trình mục tiêu quốc gia *(lần 3)* như sau:**

**\* Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 16/9/2024**, UBND tỉnh trình:

*- Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các địa phương không thực hiện cơ chế đặc thù về CTMTQG: 24.259.200.293 đồng, cụ thể như sau:*

+ Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS&MN: 23.099.200.293 đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 1.160.000.000 đồng.

*- Phân bổ, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên các CTMTQG dư tại ngân sách cấp tỉnh và của 06 địa phương không thực hiện cơ chế đặc thù sang 02 địa phương thực hiện cơ chế đặc thù: 64.992.600.000 đồng/80.438.294.229 đồng. Trong đó:*

+ Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS&MN: 51.972.600.000 đồng, gồm: (1) Phân bổ từ ngân sách cấp tỉnh 17.093.510.000 đồng; (2) Điều chỉnh từ các địa phương không thực hiện cơ chế đặc thù 34.879.090.000 đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 13.020.000.000 đồng.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 152/BC-HĐND ngày 20/9/2024**, các Ban HĐND tỉnh cơ bản nhất trí. Đề nghị UBND tỉnh:

- Xem xét, rà soát việc điều chỉnh nguồn kinh phí đảm bảo đúng quy định, chỉ thực hiện điều chỉnh kinh phí khi không còn nhu cầu, không có đối tượng hỗ trợ, không đủ điều kiện giải ngân...và phải đạt được mục tiêu của chương trình; chỉ đạo hướng dẫn thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng các công trình đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát lại danh mục các dự án dự kiến duy tu, bảo dưỡng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 sử dụng nguồn kinh phí điều chỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(lần 3)* đảm bảo đúng quy định Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025[[1]](#footnote-1) và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

**\* UBND tỉnh đã có tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 643/BC-UBND ngày 24/9/2024**. Trong đó, đã giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

Sau khi rà soát, UBND tỉnh báo cáo điều chỉnh, bổ sung thêm nhu cầu vốn cho 02 huyện Na Rì và Chợ Mới *(huyện Na Rì bổ sung thêm 11,5 tỷ đồng; huyện Chợ Mới bổ sung thêm 3,91 tỷ đồng so với Tờ trình số 166 của UBND tỉnh)*; điều chỉnh nguồn kinh phí cho một số địa phương do sai số liệu; bổ sung 333,676 triệu đồng vốn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2024 để đảm bảo cơ cấu nguồn vốn Trung ương, địa phương.

*Đại biểu có nhất trí phân bổ, điều chỉnh kinh phí do UBND tỉnh trình; ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và Báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Cần làm rõ số kinh phí còn dư của từng dự án, tiểu dự án thuộc CTMTQG, các đơn vị đã rà soát kỹ chưa? Có thực sự là không còn nhu cầu không?* *Việc điều chỉnh đã đảm bảo nguyên tắc chưa? Có đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ đề ra không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**3. Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**\* Tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 10/9/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 03 công trình dự án, gồm: (1) Dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang *(Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh làm chủ đầu tư)*; (2) Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn *(UBND huyện Chợ Đồn làm chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư là QLDA ĐTXD huyện Chợ Đồn)*; (3) Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai khu vực sạt lở đất tại tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới *(UBND huyện Chợ Mới làm chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư là Ban QLDA ĐTXD huyện Chợ Mới).*

Tổng diện tích đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 95,517 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 39,064 ha; rừng trồng 56,453 ha.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 157/BC-HĐND ngày 20/9/2024,** Ban Dân tộc nhất trí với dự thảo nghị quyết trình kỳ họp. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục về chuyển mục đích sử dụng rừng và thực hiện đúng vị trí, diện tích được thông qua tại Nghị quyết của HĐND tỉnh.

**\* UBND tỉnh đã có tiếp thu, giải trình tại Công văn số 6863/UBND-NNTNMT ngày 24/9/2024.** Theo đó,UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện như ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

*Đại biểu có nhất trí phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 03 dự án như UBND tỉnh trình, ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và tiếp thu thẩm tra của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**4. Nghị quyết thông qua diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng sản xuất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn**

**\* Tại Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 11/9/2024**, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng sản xuất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tại huyện Chợ Mới là 472.300 m² đất trồng lúa và 1.467.200 m² đất rừng sản xuất; tại thành phố Bắc Kạn là 92.300 m² đất trồng lúa và 365.500 m² đất rừng sản xuất.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 156/BC-HĐND ngày 20/9/2024**, Ban Dân tộc nhất trí với dự thảo nghị quyết trình kỳ họp. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ dự án. Trong đó, quan tâm thực hiện hạng mục Tái định cư khu vực huyện Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn kịp thời, đúng quy định; ban hành quy địnhtiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để tổ chức thực hiện.

 **\* UBND tỉnh đã có tiếp thu, giải trình tại Công văn số 6863/UBND-NNTNMT ngày 24/9/2024. Cụ thể:**

- Về đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn: UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành và UBND thành phố Bắc Kạn và UBND huyện Chợ Mới khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo, trong công tác giải phóng mặt bằng, để đảm bảo tiến độ dự án, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về ban hành quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để tổ chức thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ: UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thời gian dự kiến ban hành văn bản trong quý IV/2024.

*Đại biểu có nhất trí thông qua diện tích chuyển MĐSD đất trồng lúa và đất rừng sản xuất để thực hiện Dự án như UBND tỉnh trình, ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và tiếp thu thẩm tra của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**II. NGHỊ QUYẾT KỲ HỌP THỨ 22 *(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)***

**1. Về phương án dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư hằng năm của 02 huyện Na Rì và Pác Nặm thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025**

**\* Tại Báo cáo số 624/BC-UBND ngày 17/9/2024**, UBND tỉnh trình phương án dự kiến điều chỉnh gồm:

*a) Phương án dự kiến điều chỉnh nội bộ của 02 huyện thực hiện cơ chế đặc thù:*

Tổng kế hoạch vốn dự kiến đề nghị thực hiện điều chỉnh của huyện Pác Nặm và huyện Na Rì là: 102.076,9 triệu đồng, trong đó:

- Theo nguồn vốn:

+ Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn đề nghị điều chỉnh: 12.594,9 triệu đồng, đề nghị điều chỉnh sang cho nội dung đầu tư.

+ Kế hoạch vốn sự nghiệp hằng năm đề nghị điều chỉnh: 89.482 triệu đồng, đề nghị điều chỉnh sang cho nội dung sự nghiệp là 40.690,5 triệu đồng và điều chỉnh sang cho nội dung đầu tư là 48.791,5 triệu đồng.

- Theo địa phương:

+ Huyện Na Rì: Tổng kế hoạch vốn dự kiến điều chỉnh 53.939 triệu đồng, trong đó: Nội dung đầu tư đề nghị điều chỉnh sang cho nội dung đầu tư là 6.809,2 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung sự nghiệp là 18.146,2 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung đầu tư là 28.983,5 triệu đồng.

+ Huyện Pác Nặm: Tổng kế hoạch vốn dự kiến điều chỉnh 48.137,9 triệu đồng, trong đó: Nội dung đầu tư đề nghị điều chỉnh sang cho nội dung đầu tư là 5.785,7 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung sự nghiệp là 22.544,3 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung đầu tư là 19.807,9 triệu đồng.

- Theo chương trình:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 85.763,3 triệu đồng, trong đó: Nội dung đầu tư đề nghị điều chỉnh sang cho nội dung đầu tư là 12.594,9 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung sự nghiệp là 25.413 triệu đồng; nội dung sự nghiệp đề nghị chuyển sang cho nội dung đầu tư là 47.755,4 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 14.177,5 triệu đồng, vốn sự nghiệp còn dư dự kiến điều chỉnh cho các nội dung sự nghiệp.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2.136,1 triệu đồng, vốn sự nghiệp còn dư dự kiến điều chỉnh cho các nội dung sự nghiệp.

*b) Phương án dự kiến điều chỉnh của cấp tỉnh và các huyện, thành phố sang cho 02 huyện thực hiện cơ chế đặc thù:*

- Tổng số bổ sung cho 02 huyện thí điểm là 64.992,6 triệu đồng, gồm: Huyện Na Rì: 33.677,6 triệu đồng; huyện Pác Nặm: 31.315 triệu đồng. Trong đó:

+ Kế hoạch vốn sự nghiệp của các huyện điều chỉnh sang cho huyện Na Rì, Pác Nặm: 47.899,1 triệu đồng *(huyện Na Rì: 33.677,6 triệu đồng; huyện Pác Nặm: 14.221,5 triệu đồng)*.

+ Kế hoạch vốn sự nghiệp còn dư tại ngân sách cấp tỉnh điều chỉnh sang cho huyện Pác Nặm: 17.093,5 triệu đồng.

- Số vốn sự nghiệp huyện Na Rì, Pác Nặm đề nghị điều chỉnh, phân bổ cho nội dung đầu tư của các CTMTQG: 60.887,6 triệu đồng/64.992,6 triệu đồng, trong đó:

+ Huyện Na Rì 30.437,6 triệu đồng, gồm: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 18.647,6 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 11.790 triệu đồng.

+ Huyện Pác Nặm 30.450 triệu đồng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 153/BC-HĐND ngày 20/9/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí. Đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu phương án dự kiến điều chỉnh; chỉ đạo UBND 02 huyện thí điểm thực hiện việc điều chỉnh phải đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh và chỉ điều chỉnh nguồn vốn còn dư khi không còn đối tượng hỗ trợ theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội.

**\* UBND tỉnh đã có tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 641/BC-UBND ngày 24/9/2024**. Trong đó, đã giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

*Đại biểu có nhất trí với phương án dự kiến điều chỉnh do UBND tỉnh trình tại Báo cáo số 641/BC-UBND ngày 24/9/2024; ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Việc điều chỉnh như trên có đảm bảo đạt được mục tiêu của chương trình không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**2. Về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030**

**\* Tại Báo cáo số 614/BC-UBND ngày 11/9/2024**, UBND tỉnh trình dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030:

Tổng nhu cầu vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh theo các danh mục đề xuất của các đơn vị, địa phương là 65.182 tỷ đồng, lớn hơn tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 *(13.748 tỷ đồng)* là 51.434 tỷ đồng, tăng 374% so với giai đoạn trước. Trong đó:

*Chia theo dự án chuyển tiếp và khởi công mới:*

- Nhu cầu vốn của các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030: 1.300 tỷ đồng *(03 dự án ODA đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, dự kiến khởi công năm 2025 và hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030)*.

- Nhu cầu vốn của các dự án đề xuất khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030: 63.882 tỷ đồng, riêng các dự án đã có trong quy hoạch hoặc đang được rà soát bổ sung quy hoạch là 57.530 tỷ đồng.

*Chia theo nguồn vốn đối với các dự án đề xuất khởi công mới phù hợp với quy hoạch:*

- Nhu cầu các dự án đề xuất sử dụng vốn ngân sách trung ương: 49.958 tỷ đồng *(các dự án sử dụng vốn NSTW phải là các dự án nhóm B trở lên, trừ CTMTQG),* cụ thể:

+ Dự án trọng điểm có tính kết nối, liên vùng: 18.337 tỷ đồng *(01 dự án).*

+ Dự án sử dụng vốn NSTW trong nước: 27.497 tỷ đồng *(91 dự án, trong đó không có đề xuất của huyện Chợ Mới và Bạch Thông do các dự án đề xuất của địa phương đều có TMĐT nhỏ, dưới quy mô dự án nhóm B)*.

+ Dự án đề xuất sử dụng vốn ODA: 4.123 tỷ đồng *(07 dự án)*.

+ Nhu cầu thực hiện các Chương trình MTQG: 2.897 tỷ đồng *(của 07 huyện, thành phố, trừ huyện Chợ Mới chưa có báo cáo).*

- Nhu cầu các dự án đề xuất sử dụng vốn ngân sách địa phương: 7.572 tỷ đồng *(1.167 dự án, nhiệm vụ).*

*Chia theo ngành, lĩnh vực đối với các dự án đề xuất khởi công mới phù hợp với quy hoạch*

- Giao thông: Nhu cầu 41.551 tỷ đồng, chiếm 72%.

- Nông, lâm nghiệp: Nhu cầu 8.007 tỷ đồng, chiếm 14%.

- Giáo dục đào tạo: Nhu cầu 1.912 tỷ đồng, chiếm 3%.

- Công nghiệp - Điện: Nhu cầu 1.148 tỷ đồng, chiếm 2%.

- Quốc phòng, an ninh: Nhu cầu 1.370 tỷ đồng, chiếm 2%.

- Các lĩnh vực khác: Y tế, Văn hóa, Môi trường, công nghệ thông tin, các chính sách khác của Chính phủ,... chiếm khoảng 6%.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 154/BC-HĐND ngày 20/9/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã chỉ ra các dự án còn trùng lắp, chưa phù hợp và đề nghị UBND tỉnh:

- Tiếp tục hoàn thiện lại Báo cáo dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo theo yêu cầu tại Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6555/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Rà soát các danh mục dự án chưa phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, các nội dung trùng lắp, các nội dung chưa được tổng hợp đầy đủ theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương; lựa chọn danh mục đầu tư sắp xếp theo thứ tự ưu tiên để chủ động lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sát với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bổ sung văn bản cho ý kiến định hướng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào hồ sơ báo cáo.

- Sau khi hoàn thiện báo cáo, gửi đại biểu HĐND tỉnh để xem xét, thảo luận cho ý kiến.

**\* UBND tỉnh đã có tiếp thu, giải trình tại Công văn số 6874/UBND-TH ngày 25/9/2024.** Đồng thời, UBND tỉnh đã bổ sung Báo cáo số 642/BC-UBND ngày 24/9/2024 về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 *(chỉnh sửa so với Báo cáo số 614/BC-UBND ngày 11/9/2024 sau thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)*, theo đó:

Tổng nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh theo các danh mục đề xuất của các đơn vị, địa phương là 65.318 tỷ đồng *(tăng 136 tỷ đồng so với nhu cầu tại Báo cáo 614 do các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo bổ sung nhu cầu),* phân loại theo ngành, lĩnh vực đối với các dự án đề xuất khởi công mới phù hợp với Quy hoạch:

- Giao thông: Nhu cầu 43.149 tỷ đồng, chiếm 72%;

- Nông, lâm nghiệp: Nhu cầu 7.917 tỷ đồng, chiếm 13%;

- Giáo dục đào tạo: Nhu cầu 1.498 tỷ đồng, chiếm 3%;

- Công nghiệp - Điện: Nhu cầu 920 tỷ đồng, chiếm 2%;

- Quốc phòng, an ninh: Nhu cầu 1.392 tỷ đồng, chiếm 2%;

- Văn hóa, thể thao: Nhu cầu 1.475 tỷ đồng, chiếm 2%;

- Các lĩnh vực khác: Y tế, Môi trường, các chính sách khác của Chính phủ,... chiếm khoảng 6%.

*Đại biểu có nhất trí với các nội dung sau tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh tại Báo cáo số 624/BC-UBND ngày 24/9/2024 và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh không? Danh mục dự án đề xuất đã đảm bảo phù hợp, đầy đủ nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa? Quy trình lập kế hoạch đầu tư công như vậy có đảm bảo không? Số lượng danh mục dự án đề xuất lớn có đảm bảo đầu tư trọng tâm, trọng điểm theo chỉ đạo của Trung ương? (Trung ương định hướng số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách Trung ương thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021-2025 khoảng 15-20% tổng số lượng dự án). Cơ cấu ngành, lĩnh vực đã đảm bảo chưa? Sự phù hợp với các quy hoạch, cần ưu tiên trước cho các dự án đã có quy hoạch; sự phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?*

**3. Dự thảo Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 22 HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2025**

*Đại biểu có nhất trí không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**III.****CÁC Ý KIẾN KHÁC CỦA ĐẠI BIỂU**

1. Mục 4 Phần III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định: *“Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.”* [↑](#footnote-ref-1)